

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Long

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Lương Oanh, bà Nguyễn Thị Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà  
Châu Thị Ngọc -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024 về việc “Tranh  
chấp về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXX-ST  
ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Quang T**, sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà **Vi Thị H**, sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông  
**Vũ Quang T** trình bày:

Vào năm 2005, ông T và bà Vi Thị H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký  
kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết  
hôn cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, trong khoảng 01 năm trở lại đây, mâu thuẫn  
xảy ra thường xuyên hơn, nguyên nhân là vì bà H hay ghen tuông, nghi ngờ, bất đồng  
quan điểm sống về nhiều mặt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng  
không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Vi Thị H.

Về con chung: 02 con chung là Vũ Vi Mai T1, sinh ngày 03/5/2006 và Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020; Cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; Đối với cháu Thảo N thì giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Công việc hiện tại của ông T là bộ đội, lương tháng hiện tại trung bình khoảng 21.000.000 đồng/tháng, không có thu nhập gì khác, ông T chưa có nhà riêng, đang ở chung nhà với cha ruột ông T tên Vũ Quang T2 tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Thời gian đi làm là giờ hành chính sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 15 phút đến 16 giờ 30 phút, thường là nghỉ thứ bảy, chủ nhật; tuy nhiên trong tuần tùy lịch trực do cơ quan yêu cầu ông T phải trực đêm, hoặc ngày thứ 7, chủ nhật. Hiện tại do cháu Vũ Vi Mai T1 vẫn chưa tự đi làm để trang trải việc ăn học nên ông T phải thường xuyên cấp dưỡng cho con gái lớn tiền học phí, ăn ở, sinh hoạt, do đó việc cấp dưỡng đối với cháu N xin tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Vi Thảo N mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng.

Về tài sản, cho vay nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vi Thị H trình bày:*** Ngày 17/10/2005 bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc, êm ấm; bắt đầu từ tháng 6/2023 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khoảng tháng 8/2023 bà H nghi ngờ ông T có quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác, ông T có giải thích cho bà H những việc làm bà H nghi ngờ như ăn tin nhắn, đặt mặt khẩu, ...nhưng bà H thấy không thỏa đáng nên tăng thêm sự hoài nghi, dẫn đến hai vợ chồng thường cãi vã; Đến tháng 10/2023 ông T đi công tác xa, nói là đi một mình, nhưng sau đó thì bà H phát hiện ông T đi với người phụ nữ bà H đã nghi ngờ nên làm tinh thần bà H bị ức chế hơn. Sau đó, bố chồng bà H bệnh ông T, chửi đánh bà H nên mâu thuẫn không thể giải quyết; Tháng 11/2023 ông T tự ý mua một căn nhà khác để ra ở riêng. Do thời gian hai vợ chồng không sống chung đã lâu, cả hai bên đều im lặng nên dẫn đến yêu cầu ly hôn. Bà H xác định chưa bao giờ nói ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ bà H kể trên, chỉ do bà H nghi ngờ. Nay ông T giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết ly hôn với bà Vi Thị H thì bà H đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Vũ Vi Mai T1, sinh ngày 03/5/2006 và Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020; Cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; Ông T yêu cầu giao cháu Thảo N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì bà H đồng ý. Công việc hiện tại của bà H là bác sĩ đã nghỉ hưu, hàng tháng thu nhập bằng lương hưu và hợp tác với một số phòng khám, mở phòng khám tư nhân tại nhà, trung bình mỗi tháng thu nhập là khoảng 20.000.000 đồng. Bà H hiện ở chung nhà với hai con gái – nhà là do hai vợ chồng mới cho tặng và hiện đang đứng tên cháu Vũ Vi Mai T1 tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Thời gian đi làm là giờ hành chính, ngoài giờ hành chính thì làm tại nhà, bà H đảm bảo việc đưa đón con đi học, chăm

sóc con; ngoài ra trong nhà cũng có thêm 01 người giúp việc để phụ chăm sóc con chung (hàng tháng phải trả lương là 6 triệu đồng/ tháng).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000 đồng/ tháng; thời gian cấp dưỡng từ khi tòa án giải quyết xong vụ án đến khi con chung Thảo Nguyên đủ 18 tuổi.

Ngày 23/12/2024 bà H gửi bản trình bày ý kiến nêu rõ nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng cháu Thảo N mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng (gồm học phí, tiền ăn uống, học thêm tiếng anh, múa,...) và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho cháu N theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bà H yêu cầu thêm chi phí thuê người giúp việc để phụ chăm con mỗi tháng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Về tài sản, cho vay nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 của /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang T, cho ông T được ly hôn với bà Vi Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020 cho cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Vũ Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020 mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu Vũ Vi Thảo N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Án phí HNGĐST: ông Vũ Quang T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1].Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” do ông Vũ Quang T khởi kiện. Bị đơn bà Vi Thị H cư trú tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Vi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thành phố Đ tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang T và bà Vi Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 56, ngày 17/10/2005. Căn cứ điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do đó ông T có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà H là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của ông T và bà H: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng đến nay ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H. Vì ông cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng xác định cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, từ tháng 11/2023 hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, nhưng trong cuộc sống chung của ông T và bà H có những mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà H đều thống nhất đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông Vũ Quang T và bà Vi Thị H có 02 con chung là Vũ Vi Mai T1, sinh ngày 03/5/2006 và Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020; Cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết;

Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H đều thống nhất để bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo N. Mặt khác, do cháu Thảo N là con gái, hiện còn nhỏ tuổi (mới hơn 04 tuổi), từ trước đến nay vẫn do bà H trực tiếp chăm sóc nên việc tiếp tục giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Vũ Vi Thảo N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ông T yêu cầu tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con; Tại phiên tòa, ông T tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Thảo N mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Bà H yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng. Ngày 23/12/2024 bà H có nộp bản trình bày ý kiến, trình bày về chi phí thiết yếu nuôi dưỡng cháu Thảo N mỗi tháng là 8.000.000 đồng, yêu cầu ông T cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật từ khi tòa án giải quyết vụ án đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về thu nhập, khả năng thực tế của ông T và bà H theo tài liệu chứng cứ và phần trình bày của các đương sự có trong hồ sơ thể hiện: Bà H hiện là bác sĩ đã nghỉ hưu, hàng tháng thu nhập bằng lương hưu và hợp tác với một số phòng khám, mở phòng khám tư nhân tại nhà, trung bình mỗi tháng thu nhập khoảng 20.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định cho con, thời gian đi làm giờ hành chính. Ông T là bộ đội, lương hiện tại trung bình khoảng 21.000.000 đồng/tháng, hiện tại đang ở chung với cha ruột là ông Vũ Quang T2, thời gian đi làm giờ hành chính trừ những ngày phải trực theo sự phân công của cơ quan, đơn vị; Do đó, về thu nhập, khả năng thực tế của ông T và bà H đều tương đối như nhau, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung là cháu Thảo N. Theo quy định của pháp luật thì việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên xét vào thu nhập, khả năng thực tế của ông T và nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng cháu Thảo N thì mỗi tháng ông T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phương thức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà H là cấp dưỡng hàng tháng từ khi tòa án giải quyết đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà H về chi phí thuê người giúp việc nhà (phụ giúp chăm con) mỗi tháng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng là không có cơ sở, không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4]. Về tài sản chung, cho vay, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang T.

1. Về hôn nhân: Cho ông Vũ Quang T được ly hôn với bà Vi Thị H



2. Về con chung: Con chung Vũ Vi Mai T1, sinh ngày 03/5/2006 đã trưởng thành nên ông T, bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Giao con chung là cháu Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Vi Thảo N, sinh ngày 01/8/2020 mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu Vũ Vi Thảo N đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.*

3. Về chia tài sản, cho vay và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Vũ Quang T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001560 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Xoài, ông T còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- UBND nơi ĐKKH.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hoàng Long**